

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin																												Tổng điểm										
				Tin học đại cương	Toán cao cấp 1	Toán cao cấp 2	Tâm lý học đại cương	Khoa học môi trường	Kinh tế vi mô 1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Pháp luật đại cương	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	Kinh tế vi mô 1	Marketing căn bản	Nguyên lý kế toán	Kinh tế lượng	Hệ thống các tuyến điểm du lịch	Kỹ năng giao tiếp	Ngoại ngữ chuyên ngành	Quan trị học	Tổng quan du lịch	Văn hóa học	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Địa lý du lịch	Marketing dịch vụ	Nguyên lý thông kê kinh tế	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 1	Quản trị lữ hành	Ngoại ngữ chuyên ngành 2		Quản lý điểm đến	Tâm lý du khách	Văn hóa các dân tộc thiểu số	Văn hóa Huế	Văn hóa và du lịch	Thực tập nghiệp vụ	Thực tập quản lý			
74	14D4011315	Nguyễn Phan Nhật Tân	30/03/1996	4.3	8.1	9.0	4.6	4.7	4.5	5.3	3.8	5.5	0.6	4.5	2.6	3.6	6.9	4.7	6.3	3.8	0.0	7.1	3.4	3.0	1.8	0.0	0.0	0.0	0.4	4.6	0.0	7.1	5.9	8.0	6.3	3.4	7.7	9.0	9.0	4.3		
75	14D4011340	Thân Đình Thắng	20/01/1996	5.6	6.8	5.9	6.5	5.8	6.6	5.4	7.7	8.6	6.0	5.5	5.8	6.6	6.6	4.9	6.9	8.0	10.0	6.8	6.7	6.1	7.7	7.0	8.7	7.6	6.6	8.6	7.4	6.9	7.1	8.7	7.7	6.6	8.3	9.9	9.3	7.1		
76	14D4011322	Bùi Đình Thành	20/08/1995	4.6	7.9	6.4	5.5	8.2	6.8	6.0	6.7	8.0	5.8	7.2	6.5	6.2	7.7	6.7	5.8	7.3	8.8	6.3	7.7	7.9	5.4	6.5	8.4	8.6	8.9	7.3	8.6	7.1	8.8	9.0	6.8	5.9	8.5	9.4	9.0	7.2		
77	14D4011332	Nguyễn Thị Phương Thảo	06/04/1996	4.8	8.6	5.0	6.6	5.0	6.0	6.6	4.8	6.1	6.3	5.7	6.7	5.9	5.4	7.4	5.2	8.2	9.0	5.4	7.5	7.2	5.8	7.2	8.7	7.7	5.2	9.1	7.2	6.0	8.5	9.5	8.0	5.8	8.9	9.1	9.0	6.9		
78	14D4011345	Lê Công Bá Thiện	02/01/1996	4.4	7.0	7.1	4.3	7.4	5.2	5.9	5.7	4.6	4.3	3.6	6.3	6.2	5.9	7.3	5.4	7.9	8.9	4.6	2.5	6.3	3.8	6.0	8.4	7.8	4.7	9.0	7.5	3.8	6.2	8.0	7.0	6.3	8.7	9.4	9.0	6.2		
79	14D4011364	Nguyễn Thị Hải Thu	08/02/1996	5.8	6.2	4.9	4.3	4.1	7.4	6.7	7.2	6.3	7.0	7.7	6.7	3.1	7.8	5.9	8.4	7.9	10.0	5.6	8.0	6.1	3.6	7.7	9.1	9.1	5.6	8.4	6.8	0.0	0.0	7.0	0.0	1.9	0.0	0.0	0.0	5.7		
80	14D4011369	Nguyễn Thị Diệu Thương	28/03/1995	5.8	7.0	5.5	5.4	7.5	6.8	4.2	4.3	7.0	4.4	7.7	6.2	6.6	6.4	6.4	7.1	7.3	9.0	4.6	8.0	7.0	5.4	4.7	8.0	7.0	5.6	9.2	7.3	5.2	8.3	8.7	6.9	6.2	8.9	9.3	8.5	6.6		
81	14D4011358	Bùi Thị Thúy	06/02/1996	7.9	6.3	6.8	7.1	8.9	9.1	4.7	7.5	7.7	7.9	9.1	7.4	4.2	7.6	6.9	8.6	8.2	10.0	8.8	9.5	9.1	8.4	8.2	9.4	9.2	7.9	9.0	8.3	8.7	8.0	9.7	8.4	8.6	9.1	9.7	9.4	8.1		
82	14D4011357	Lê Thị Thùy	11/06/96	5.8	6.0	6.7	5.1	8.2	0.0	0.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.8		
83	14D4011363	Nguyễn Thị Thu Thủy	10/12/1996	4.4	7.8	4.2	5.0	8.1	5.9	6.4	6.0	5.4	6.2	3.2	6.2	6.1	6.2	7.7	5.4	7.9	9.8	6.6	7.5	6.8	5.4	6.0	9.1	7.5	5.6	9.0	8.7	5.6	7.7	10.0	8.4	5.6	8.3	9.5	8.5	6.8		
84	14D4011373	Nguyễn Nhật Thảo Tiên	11/11/1996	5.2	8.2	6.1	4.9	5.5	5.7	5.3	4.3	7.9	4.1	5.3	6.8	6.9	7.2	8.2	8.7	8.0	8.9	6.8	6.6	8.2	7.5	7.0	8.4	7.3	7.0	8.7	8.0	9.1	8.7	9.3	8.6	6.5	8.7	9.3	8.5	7.3		
85	14D4011372	Lê Thị Minh Tiên	16/06/96	3.4	3.6	3.0	2.1	2.3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	8.9	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.5		
86	14D4011392	Trương Thị Bích Trâm	05/11/1996	6.6	8.0	5.1	6.3	8.1	7.1	8.0	7.9	7.9	7.2	7.0	8.5	7.3	7.8	7.3	8.4	8.6	9.0	8.8	9.0	8.8	9.0	7.9	9.1	7.9	9.1	7.3	5.7	8.9	8.2	8.7	8.5	9.5	8.2	6.6	9.3	8.9	9.0	8.0
87	14D4011386	Nguyễn Thị Thùy Trang	14/08/1996	8.2	7.5	9.0	8.5	7.5	7.1	8.7	7.4	7.2	6.7	7.5	7.6	5.2	7.8	8.8	9.3	8.3	8.8	7.4	9.1	9.1	8.4	8.1	8.7	9.2	7.7	8.3	7.3	8.0	7.7	9.7	8.4	6.5	9.2	9.1	9.0	8.1		
88	14D4011382	Hoàng Thị Thuý Trang	11/08/1996	7.2	7.1	5.0	8.0	8.2	7.9	7.2	5.8	9.8	6.4	7.3	7.1	5.3	8.0	9.1	9.4	8.2	10.0	7.9	8.3	7.3	9.0	8.2	8.7	7.9	5.6	8.7	8.2	8.8	8.5	9.7	8.4	6.1	9.0	9.3	9.5	7.9		
89	14D4011381	Hàng Bảo Trang	29/08/1995	4.0	5.9	4.6	4.2	7.5	6.3	6.3	7.4	7.0	4.6	7.0	5.9	6.8	7.9	6.0	5.4	7.3	10.0	5.9	5.8	4.8	4.0	4.5	8.4	9.0	5.8	7.5	7.8	5.6	8.0	8.5	7.0	3.6	8.4	9.1	10.0	6.5		
90	14D4011387	Trần Thị Huyền Trang	06/11/1996	4.6	6.2	4.0	3.0	5.9	6.7	6.0	4.8	5.0	5.6	6.1	3.4	6.8	5.9	4.4	7.2	2.6	8.9	4.8	2.4	2.6	2.6	6.1	8.4	7.2	5.3	7.6	7.2	6.2	9.0	8.0	7.6	5.8	8.2	9.2	9.0	5.8		
91	14D4011407	Lê Huy Trục	09/06/1996	5.0	6.7	6.3	5.5	6.5	7.2	6.1	4.3	8.0	6.2	4.7	6.6	6.5	7.4	5.0	5.9	7.7	8.7	6.2	5.9	7.3	5.7	6.0	8.4	8.2	5.8	8.6	7.9	6.1	7.8	8.0	7.0	4.0	8.7	9.1	9.0	6.7		
92	14D4011409	Phạm Anh Tuấn	16/09/1996	4.6	6.8	5.1	4.8	7.7	4.8	5.0	6.2	6.5	5.1	3.9	5.7	6.3	7.1	5.4	7.4	7.9	10.0	7.2	6.0	7.7	4.0	6.7	8.4	8.3	4.7	9.1	7.5	6.6	8.5	10.0	6.8	6.6	8.4	9.8	9.5	6.8		
93	14D4011416	Phạm Thanh Tùng	21/02/1995	4.6	7.2	6.1	4.3	5.1	7.0	5.7	8.0	4.9	5.8	7.9	3.7	6.6	7.5	5.2	7.0	7.7	8.8	5.6	5.0	7.5	7.9	7.0	8.4	6.4	4.9	8.0	7.5	5.3	6.3	9.3	7.0	5.2	8.3	9.8	8.5	6.7		
94	14D4011415	Nguyễn Thị Túy	18/10/1996	7.2	6.2	4.7	6.2	8.0	6.3	5.9	6.6	6.5	5.6	5.4	5.9	4.7	6.4	7.4	6.2	8.2	9.2	8.3	5.5	9.0	7.9	8.1	8.7	6.8	6.0	9.1	7.5	7.9	8.6	7.5	7.5	6.5	9.3	9.0	8.5	7.1		
95	14D4011417	Nguyễn Thị Tý	06/06/96	4.7	7.0	3.4	2.5	8.0	0.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.6		
96	14D4011418	Lý Công Uẩn	12/10/1996	6.1	5.8	6.5	5.7	7.3	5.9	6.2	7.1	6.3	4.9	4.7	6.5	6.2	6.7	5.6	6.3	7.7	8.8	5.3	7.3	8.0	7.2	7.4	8.4	8.7	5.8	7.6	7.8	4.9	7.8	9.3	7.0	5.9	9.2	9.4	9.0	6.9		
97	14D4011431	Trần Diệu Vi	28/12/1996	3.1	0.0	2.3	0.0	0.0	0.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.1			
98	14D4011437	Nguyễn Thị Hoàng Vũ	31/01/1995	7.9	7.2	5.3	6.2	3.7	5.0	5.1	5.2	5.1	4.5	4.5	3.2	2.4	3.0	2.5	2.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.0		
99	14D4011443	Nguyễn Thị Mộng Vy	02/10/94	5.5	6.7	1.4	1.8	2.0	2.4	2.6	0.0	0.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.6			
100	14D4011452	Nguyễn Thị Như Ý	02/06/1995	4.8	6.7	4.1	5.7	5.3	5.9	6.2	4.9	7.2	6.4	6.2	5.4	5.2	7.0	6.6	7.6	7.9	9.2	5.0	6.5	6.5	6.3	6.7	8.7	7.6	5.2	9.0	7.5	5.4	8.8	9.0	6.1	6.8	9.2	9.4	8.5	6.7		
101	14D4011449	Hoàng Mỹ Ý	01/02/1996	5.5	7.9	3.4	3.4	3.2	6.2	4.4	5.6	5.2	5.1	3.2	4.2	2.8	5.9	3.3	4.4	7.2	9.5	5.2	4.8	5.1	4.7	6.0	7.7	7.6	3.3	7.5	5.9	4.0	8.2	8.0	5.4	3.8	8.7	9.5	9.0	5.6		

(Có 100 sinh viên trong danh sách này với 0 con điểm bị sửa chữa)